

12 công thức thì HTĐ và HTTD

		Hiện tại đơn Dùng TO BE	Hiện tại đơn Dùng ĐT thường	Hiện tại tiếp diễn
1	Câu khẳng định	(1) 1.1. He is from <u>Vietnam</u> . 1.2. They _____.	(5) 5.1. He _____. 5.2. They _____.	(9) 9.1. He is coming from <u>Vietnam</u> . 9.2. I _____.
2	Câu phủ định	(2) 2.1. He _____. 2.2. They _____.	(6) 6.1. He _____. 6.2. They _____.	(10) 10.1. _____. 10.2. _____.
3	Nghi vấn (YES/ NO)	(3) 3.1. _____ ? 3.2. _____ ?	(7) 7.1. _____ ? 7.2. _____ ?	(11) 11.1. _____ ? 11.2. _____ ?
4	Câu hỏi WH	(4) 4.1. _____ ? 4.2. _____ ?	(8) 8.1. _____ ? 8.2. _____ ?	(12) 12.1. _____ ? 12.2. _____ ?